

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18- 9 -2019
V/v Tranh chấp Ly hôn, con chung,
nợ chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU, TỈNH SƠN LA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lò Thị Le.

2. Bà Nguyễn Thị Huyền.

-Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu, tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thanh Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2018 về vụ việc: Tranh chấp Ly hôn, con chung, nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Xóm B, xã P, huyện T, tỉnh H.

2. *Bị đơn:* Anh Đậu Đức L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Bản C, xã Y, huyện Y, tỉnh S.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi (Nguyễn Thị T) kết hôn với anh Đậu Đức L ngày 07/05/2009 trên cơ sở tự nguyện, không do gia đình hai bên ép buộc và đã được xã P, huyện T, tỉnh H cấp giấy chứng nhận kết hôn. Sau khi thành hôn vợ chồng tôi được hai bên gia đình tổ chức cưới xin

theo phong tục tập quán của địa phương. Sau đám cưới vợ chồng tôi sinh sống tại xã P, huyện T, tỉnh H, sau đó chuyển lên sinh sống ở Bản C, xã Y, huyện Y, tỉnh S. Thời gian đầu vợ chồng tôi chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì vợ chồng tôi phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đậu Đức L ham mê cờ bạc, rượu chè, bỏ bê gia đình chạy đua theo các thú vui cá nhân. Tôi đã nhiều lần khuyên bảo anh Đậu Đức L, thậm chí cầu xin anh Đậu Đức L tu chí làm ăn, nhưng anh Đậu Đức L không thay đổi mà còn có thái độ ngược đãi tôi, coi thường tôi. Mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng nên tôi bỏ quê chồng về Hà Nội làm công nhân từ năm 2016 cho đến nay và vợ chồng tôi sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm hỏi han gì nhau. Từ những mâu thuẫn nêu trên tôi xin được ly hôn với anh Đậu Đức L.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có với nhau 02 con chung: Cháu Đậu Trà M, sinh ngày 15/10/2009; cháu Đậu Thanh T, sinh ngày 07/12/2012; hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh Đậu Đức L. Nếu ly hôn tùy theo nguyện vọng của 02 cháu muốn ở với ai thì tùy 02 cháu.

Về tài sản chung: Không có không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Nợ chung, người ngoài nợ: Không có.

Tại bản tự khai anh Đậu Đức L trình bày: Tôi (Đậu Đức L) và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau ngày 02/11/2008, kết hôn do hai bên tự nguyện, không ép buộc, vợ chồng tôi có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh H. Vợ chồng tôi được gia đình hai bên tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán địa phương, sau khi thành hôn vợ chồng tôi chung sống ở Dĩ An, Bình Dương từ năm 2008 đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tôi sống với nhau không hòa thuận. Đến năm 2016 thì vợ tôi đã bỏ nhà đi từ đó đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, tôi muốn quay lại đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có với nhau 02 con chung: Cháu Đậu Trà M, sinh ngày 15/10/2009; cháu Đậu Thanh T, sinh ngày 07/12/2012; hiện nay cả 02 cháu đang ở với tôi. Nếu ly hôn tùy thì do tôi và chị Linh thỏa thuận với nhau và theo nguyện vọng của 02 cháu muốn ở với ai thì tùy 02 cháu.

Về tài sản chung: Không có.

Nợ chung: Vợ chồng tôi có vay của anh Cơ ở Bình Dương số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), vay từ năm 2015. Nếu ly hôn đề nghị phân chia nghĩa vụ trả nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Châu tham gia phiên tòa: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng; Thẩm phán đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thẩm quyền, thời hạn, trình tự, thủ tục tố tụng; phiên tòa được mở đúng thời hạn, Hội đồng xét xử thực sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thư ký Tòa án tiến hành đúng nhiệm vụ của Thư ký theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của

pháp luật từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa; đối với bị đơn quá trình tố tụng chỉ có mặt tại buổi lấy lời khai, các bước tiếp theo không chấp hành theo giấy triệu tập của tòa án, không có mặt tại phiên công khai chứng cứ, không có mặt tại phiên hòa giải. Đối với nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, tài liệu trong hồ sơ đã thu thập đầy đủ, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, nên chấp nhận theo quy định tại khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc vắng mặt của bị đơn, quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành các bước đảm bảo theo quy định, việc xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đậu Đức L. Giao hai cháu Đậu Trà M, sinh ngày 15/10/2009; cháu Đậu Thanh T, sinh ngày 07/12/2012 cho anh Đậu Đức L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu (Cháu My và cháu Trúc có nguyện vọng ở cùng anh Linh).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La giải quyết được ly hôn với anh Đậu Đức L đang cư trú tại: Bản C, xã Y, huyện Y, tỉnh S. Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La thụ lý, giải quyết là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trong quá trình xét xử chị Thu có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Đậu Đức L đã được Tòa án nhân dân huyện Yên Châu tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Đậu Đức L vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đã lập biên bản không hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Đậu Đức L vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, việc vắng mặt của bị đơn Tòa án xác định là do bị đơn cố tình trốn tránh, không hợp tác trong quá trình giải quyết vụ án.

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị T và anh Đậu Đức L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đậu Đức L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện T, tỉnh H vào tháng 5/2009, nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Đậu Đức L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Đậu Đức L ham mê cờ bạc, rượu chè, bỏ bê gia đình chạy đua theo các thú vui cá nhân. Chị Nguyễn Thị T đã nhiều lần khuyên bảo anh Đậu Đức L, thậm chí cầu xin anh Đậu Đức L tu chí làm ăn, nhưng anh Đậu Đức L không thay đổi mà còn có thái độ ngược đãi chị, coi thường chị. Anh chị sống ly thân nhau từ năm 2016 cho đến nay, hiện nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, sống ly thân nhau đã lâu, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân để xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được. Việc quyết định cho anh chị ly hôn là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Tại các tài liệu có trong hồ sơ chị Nguyễn Thị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi cháu Đậu Thanh T, sinh ngày 07/12/2012, anh Đậu Đức L đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai cháu. Quá trình tố tụng Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của các cháu, cháu Đậu Trà M và cháu Đậu Thanh T đều có nguyện vọng ở với anh Đậu Đức L, do vậy quyết định để anh Đậu Đức L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con là đảm bảo nguyện vọng của anh và hai con. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị T.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đậu Đức L không có tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về vay nợ chung: Trong đơn khởi kiện cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay chị Nguyễn Thị T cho rằng giữa anh chị không có nợ chung. Nhưng anh Đậu Đức L khai có vay của anh Cơ ở Bình Dương số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng), vay từ năm 2015. Nếu ly hôn đề nghị phân chia nghĩa vụ trả nợ chung. Chị Thu cho rằng khoản nợ này chị không biết và anh Đậu Đức L cũng không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến khoản nợ nêu trên nên Tòa án không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này. Do đó, Tòa án không đưa anh Cơ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tách yêu cầu của anh Đậu Đức L về phân chia nghĩa vụ trả nợ chung bằng vụ án khác nếu anh Đậu Đức L và anh Cơ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân : Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Đậu Đức L.

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Đậu Đức L.

2. Về con chung: Giao cháu Đậu Trà M, sinh ngày 15/10/2009 và cháu Đậu Thanh T, sinh ngày 07/12/2012 cho anh Đậu Đức L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, không ai được cản trở quyền trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con ; thay đổi cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nợ chung: Tách yêu cầu của anh Đậu Đức L về phân phân chia nghĩa vụ trả nợ chung bằng vụ án khác nếu anh Đậu Đức L và anh Cơ có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0002526 ngày 08 tháng 5 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, vắng mặt các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Yên Châu;
- Thi hành án dân sự huyện Yên Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hương